CTCP Sông Đà 5 (HNX: SD5)

FireAnt

Ngày 31/12/2024	8,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.9%	**3.9%**	**1.3%**

ROE — 2024: **4.9%** | +/- YoY ▲ 0.5%

DT thuần — *Q4/24*: **517** *tỷ VNĐ* | QoQ ▲ 28.0 ▲ 5.7% | YoY ▲ 95.0 ▲ 22.5%

DT thuần — *2024*: **2,337** *tỷ VNĐ* | YoY ▲ 75.0 ▲ 3.3%

LN gộp — *Q4/24*: **15.3** *tỷ VNĐ* | QoQ ▼ 19.0 ▼ 55.5% | YoY ▲ 6.54 ▲ 74.2%

LN gộp — *2024*: **89.8** *tỷ VNĐ* | YoY ▲ 20.0 ▲ 28.7%

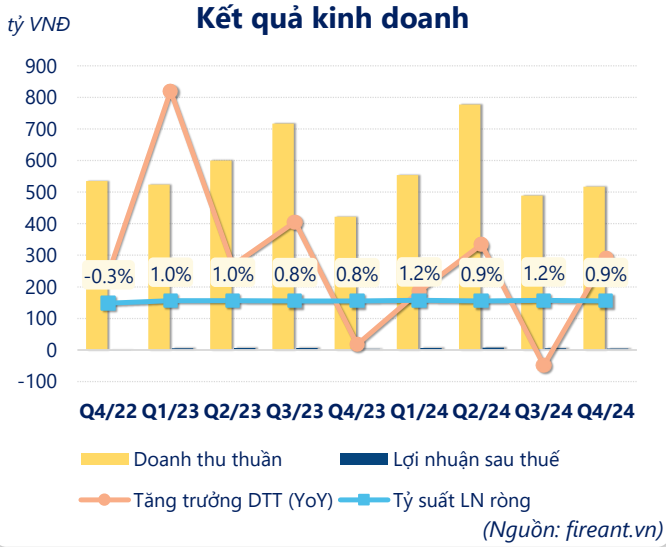
LN thuần — *Q4/24*: **7.55** *tỷ VNĐ* | QoQ ▲ 1.80 ▲ 31.3% | YoY ▲ 1.83 ▲ 32.0%

LN thuần — *2024*: **30.8** *tỷ VNĐ* | YoY ▲ 3.30 ▲ 11.8%

LN sau thuế — *Q4/24*: **4.55** *tỷ VNĐ* | QoQ ▼ 1.14 ▼ 20.0% | YoY ▲ 1.15 ▲ 33.9%

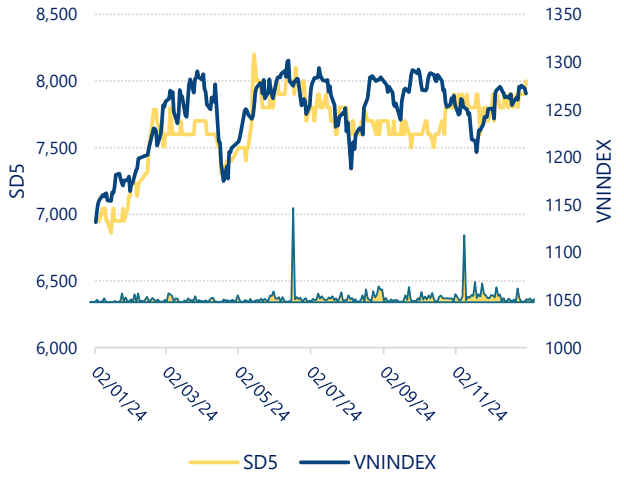
LN sau thuế — *2024*: **23.6** *tỷ VNĐ* | YoY ▲ 2.50 ▲ 12.3%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

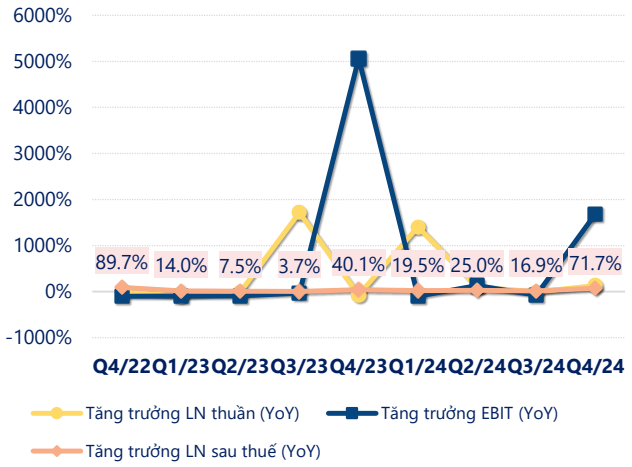


Powered by Infographic
https://fireant.vn/

CTCP Sông Đà 5 (HNX: SD5)

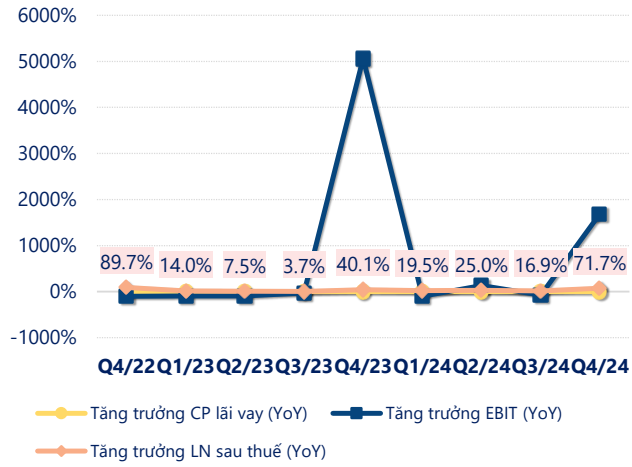
FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận



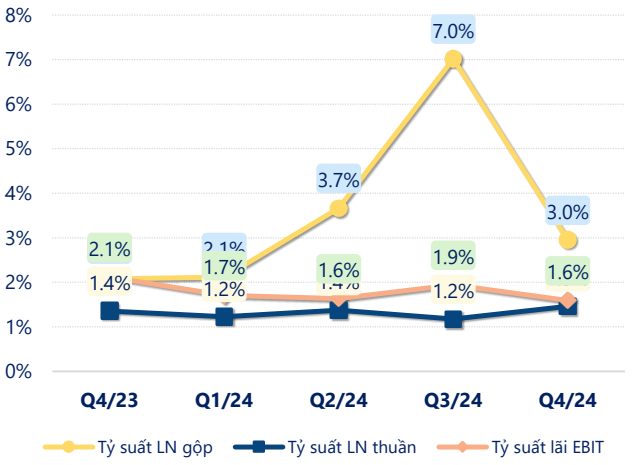
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



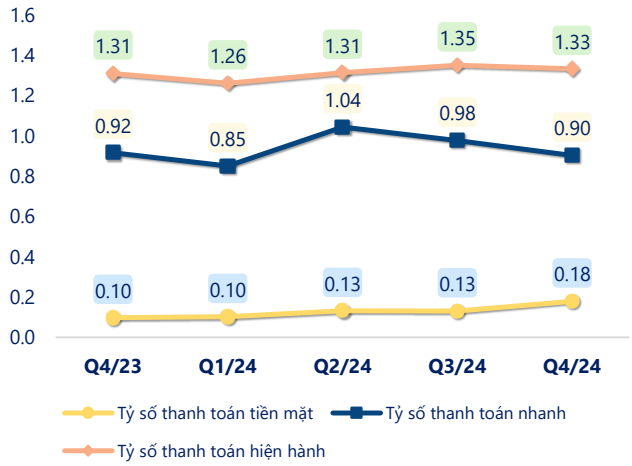
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



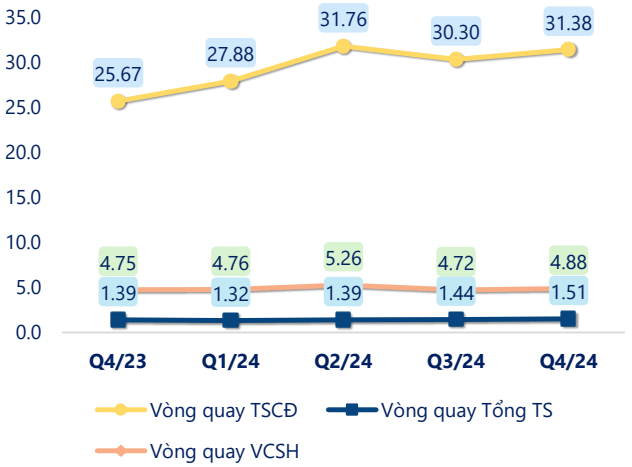
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



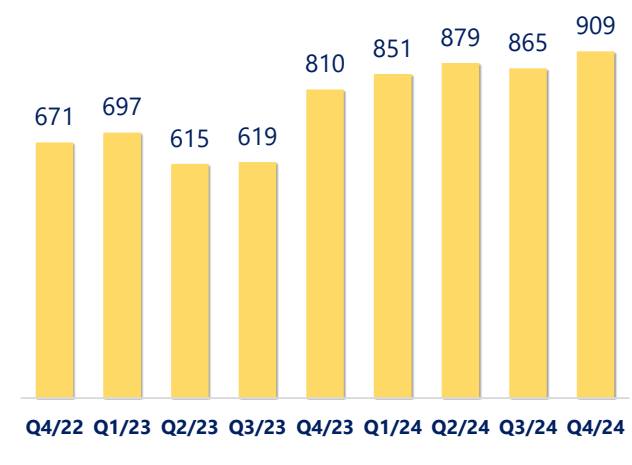
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

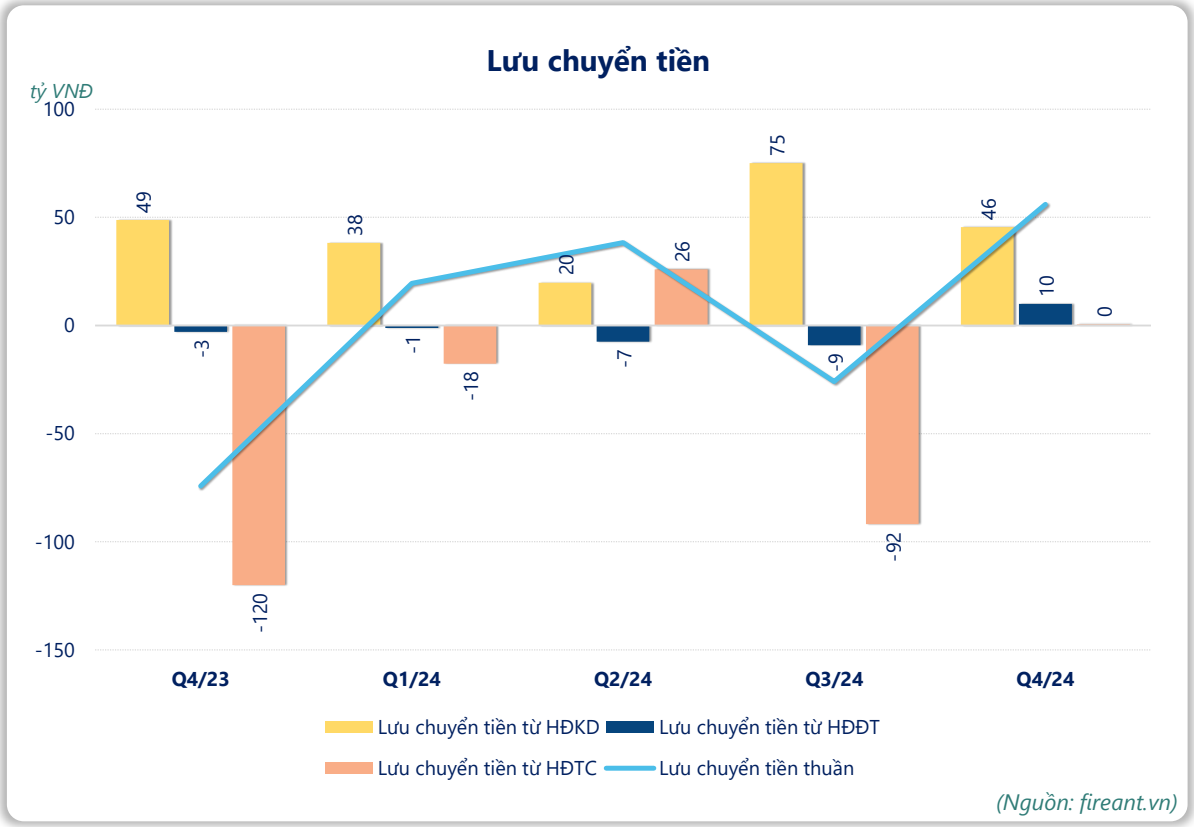


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Sông Đà 5 (HNX: SD5)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**517**	**422**	**22.5%**	**2,337**	**2,262**	**3.3%**
Giá vốn hàng bán	502	413	21.5%	2,247	2,192	2.5%
Lợi nhuận gộp	15.3	8.76	74.2%	89.8	69.8	28.7%
Doanh thu HĐTC	59.5	30.4	95.9%	185	113	64.8%
Chi phí TC	37.2	21.2	75.5%	173	119	45.6%
Chi phí lãi vay	0.44	3.03	-85.4%	4.23	22.8	-81.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**30.0**	**12.2**	**146%**	**71.5**	**36.0**	**98.4%**
LN thuần từ HĐKD	7.55	5.72	32.0%	30.8	27.5	11.8%
Lợi nhuận khác	**0.24**	**0.18**	**32.6%**	**4.93**	**3.29**	**49.8%**
LN trước thuế	7.79	5.90	32.0%	35.7	30.8	15.8%
Lợi nhuận sau thuế	**4.55**	**3.40**	**33.9%**	**23.6**	**21.1**	**12.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**4.55**	**3.40**	**33.9%**	**23.6**	**21.1**	**12.3%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)